

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN

Số: **639** /QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bỉm Sơn, ngày **24** tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho 30 hộ gia đình bị ảnh hưởng dự án: **Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao đường sắt chuyên dùng của nhà máy xi măng Bỉm Sơn với Quốc lộ 1A, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH UBND THỊ XÃ BỈM SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 1319/QĐ-BGTVT ngày 28/4/2016 của Bộ Giao thông vận tải về phê duyệt dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao đường sắt chuyên dùng của Nhà máy xi măng Bỉm Sơn với Quốc lộ 1A, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 4545/2014/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc quy định Bảng giá các loại đất thời kỳ năm 2015-2019 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 999/2015/QĐ-UBND ngày 26/3/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định về thực hiện trình tự thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 4925/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Bảng giá xây dựng mới nhà ở, nhà



tạm, công trình kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư Tiểu dự án GPMB dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao đường sắt chuyên dùng của Nhà máy xi măng Bỉm Sơn với Quốc lộ 1A, tỉnh Thanh Hóa;

Thực hiện Công văn số 537/UBND-CN ngày 13/01/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết vướng mắc GPMB dự án Cầu vượt tại nút giao đường sắt chuyên dùng của Nhà máy xi măng Bỉm Sơn với QL1A;

Căn cứ Quyết định số: 2022/QĐ-UBND ngày 01/6/2016 của Chủ tịch UBND thị xã Bỉm Sơn về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao đường sắt chuyên dùng của Nhà máy xi măng Bỉm Sơn với Quốc lộ 1A, tỉnh Thanh Hóa;

Xét Tờ trình số: 285/TTr-HĐBT ngày 23 tháng 02 năm 2017 của Hội đồng Bồi thường GPMB dự án về việc xin phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho 30 hộ gia đình bị ảnh hưởng dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao đường sắt chuyên dùng của Nhà máy xi măng Bỉm Sơn với Quốc lộ 1A, tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB cho 30 hộ gia đình bị ảnh hưởng dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao đường sắt chuyên dùng của Nhà máy xi măng Bỉm Sơn với Quốc lộ 1A, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung sau:

1. Tổng kinh phí hỗ trợ GPMB là: 1.255.628.179đ.

(Một tỷ, hai trăm năm mươi lăm triệu, sáu trăm hai tám nghìn, một trăm bảy chín đồng)

Trong đó:

1.1. Số tiền chi trả cho các hộ: 1.231.008.019đ.

- Hỗ trợ vật kiến trúc là: 458.630.019đ;

- Hỗ trợ về chính sách khác là: 772.378.000đ;

1.2. Chi phí tổ chức thực hiện GPMB 2%: 24.620.160đ.

(Có hàng tổng hợp kèm theo)

2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ còn dư của các dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A và đường Hồ Chí Minh đoạn qua khu vực Tây Nguyên.

3. Bố trí tái định cư **Bố trí tái định cư, nơi ở mới:** Không.

4. Hỗ trợ di chuyển mồ mã: Không.

Điều 2. Hội bồi thường GPMB theo chức năng và nhiệm vụ tổ chức bồi thường thiệt hại GPMB theo chính sách, chế độ nhà nước đã quy định. Thực hiện GPMB kịp thời gian, đảm bảo tiến độ thi công, công trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã, Trưởng các phòng: Quản lý đô thị, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên & Môi trường; Hội đồng bồi thường GPMB dự án; Chủ tịch UBND phường Ngọc Trạo; các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, HDBT.



Bùi Huy Hùng

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB

Dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao đường sắt chuyên dùng của nhà máy xi măng Bim Sơn với Quốc lộ 1A, tỉnh Thanh

(Kèm theo Quyết định số: 679/QĐ-UBND ngày 24 / 02/2017 của UBND Thị xã Bim Sơn)

Đơn vị tính: đồng,

ST T	Trường hợp ảnh hưởng	Địa chỉ thửa đất thu hồi	Diện tích đất thu hồi	Số tiền bồi thường, hỗ trợ về Đất (đ)	Số tiền hỗ trợ khác (đ)	Số tiền hỗ trợ về Vật kiến trúc (đ)	Số tiền bồi thường, hỗ trợ về cây hoa màu (đ)	Tổng tiền (đ)
1	Ông Hoàng Đình Tùng Bà Trịnh Thị Dũng	Khu 11 Phường Ngọc Trạo	282.80	0	100.000.000	6.969.824	0	106.969.824
2	Ông Lê Văn Hoi	Khu 11 Phường Ngọc Trạo	22.00	0	18.900.000	0	0	18.900.000
3	Ông Trịnh Văn Việt Bà Lê Thị Hương	Khu 11 Phường Ngọc Trạo	70.10	0	21.000.000	483.560	0	21.483.560
4	Bà Lê Thị Tình	Khu 11 Phường Ngọc Trạo	42.50	0	19.026.000	0	0	19.026.000
5	Ông Phạm Đình Thị Bà Nguyễn Thị Thúy	Khu 11 Phường Ngọc Trạo	37.00	0	16.800.000	17.333.630	0	34.133.630
6	Ông Bùi Trường Giang Bà Lê Thị Mai	Khu 11 Phường Ngọc Trạo	56.50	0	26.460.000	18.534.648	0	44.994.648
7	Bà Nguyễn Thị Lý	Khu 11 Phường Ngọc Trạo	43.40	0	23.940.000	20.143.921	0	44.083.921
8	Ông Lê Quang Trung Bà Nguyễn Thị Thuận	Khu 11 Phường Ngọc Trạo	49.50	0	22.932.000	42.434.663	0	65.366.663
9	Ông Lê Quang Hào Bà Trịnh Thị Oanh	Khu 11 Phường Ngọc Trạo	198.55	0	96.600.000	34.052.920	0	130.652.920
10	Ông Lê Văn Sáu Bà Nguyễn Thị Oanh	Khu 11 Phường Ngọc Trạo	21.10	0	19.572.000	16.854.628	0	36.426.628
11	Ông Nguyễn Ngọc Thới Bà Nguyễn Thị Thơm	Khu 11 Phường Ngọc Trạo	68.00	0	44.520.000	5.465.158	0	49.985.158
12	Ông Vũ Văn Hiệp Bà Trịnh Thị Lan	Khu 11 Phường Ngọc Tr.	81.20	0	24.990.0	11.433.115	0	36.423.115

13	Ông Phùng Văn Tiến Bà Phạm Thị Lan Anh	Khu 11 Phường Ngọc Trạo	161.80	0	70.560.000	128.123.785	0	198.683.785
14	Bà Lê Thị Hồng	Khu 11 Phường Ngọc Trạo	36.90	0	16.800.000	67.716.139	0	84.516.139
15	Ông Nguyễn Mạnh Quyền Bà Phạm Thị Ngoát	Khu 11 Phường Ngọc Trạo	46.30	0	21.630.000	13.866.216	0	35.496.216
16	Ông Lê Phú Thu Bà Mai Thị Thu Hiền	Khu 11 Phường Ngọc Trạo	130.70	0	28.140.000	0	0	28.140.000
17	Ông Vũ Kiến Thiết Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Khu 11 Phường Ngọc Trạo	92.30	0	28.140.000	0	0	28.140.000
18	Ông Nguyễn Mạnh Thường	Khu 11 Phường Ngọc Trạo	36.50	0	16.800.000	11.297.064	0	28.097.064
19	Ông Lê Gia Anh Bà Nguyễn Thị Mơ	Khu 11 Phường Ngọc Trạo	25.40	0	26.208.000	45.427.449	0	71.635.449
20	Ông Phạm Huy Thế	Khu 11 Phường Ngọc Trạo	38.60	0	17.220.000	13.313.580	0	30.533.580
21	Ông Nguyễn Hồng Thông	Khu 11 Phường Ngọc Trạo	36.90	0	0	4.218.823	0	4.218.823
22	Ông Nguyễn Văn Tâm Bà Trần Thị Loan	Khu 11 Phường Ngọc Trạo	32.80	0	27.300.000	0	0	27.300.000
23	Ông Nguyễn Tiến Mạnh	Khu 11 Phường Ngọc Trạo	3.70	0	16.800.000	96.712	0	16.896.712
24	Bà Phạm Thị Nhật	Khu 11 Phường Ngọc Trạo	5.40	0	17.640.000	574.048	0	18.214.048
25	Bà Nguyễn Thị Liên	Khu 11 Phường Ngọc Trạo	1.80	0	16.800.000	96.712	0	16.896.712
26	Bà Nguyễn Thị Bạo	Khu 11 Phường Ngọc Trạo	2.90	0	16.800.000	96.712	0	16.896.712
27	Bà Nguyễn Thị Nga	Khu 11 Phường Ngọc Trạo	2.40	0	16.800.000	96.712	0	16.896.712
28	Ông Lê Thanh Phán Bà Vũ Thị Thái Hà	Khu 11 Phường Ngọc Trạo	80.60	0	0	0	0	0

